

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu đề xuất giải pháp lồng ghép các chương trình chính sách để thực hiện hiệu quả Chương trình nông thôn mới ở địa bàn khó khăn.

Thuộc: Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung: Trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học và thực tiễn việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, đề tài đề xuất giải pháp lồng ghép các chương trình, chính sách để thực hiện có hiệu quả, khả thi CTMTQG xây dựng NTM trên địa bàn khó khăn, ĐBKK vùng DTTS&MN.

Mục tiêu cụ thể:

(1) Luận giải và làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về lồng ghép các chương trình chính sách; Quốc hội, Chính phủ quyết định ban hành, triển khai thực hiện các CTMTQG và chính sách liên quan khác ở địa bàn khó khăn, ĐBKK vùng DTTS&MN.

(2) Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các CTMTQG và các chính sách khác (tính khả thi, tính phù hợp, những bất cập, vướng mắc về phân bổ vốn, nguồn lực, đối tượng, địa bàn, quản lý chỉ đạo điều hành...), trên cơ sở đó rút ra bài học kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn khó khăn, ĐBKK vùng DTTS&MN.

(3) Phân tích các quy định và mối quan hệ về quản lý, tổ chức thực hiện, đối tượng, mục tiêu, nội dung... giữa các CTMTQG. Trên cơ sở đó chỉ rõ những thuận lợi, khó khăn trong việc lồng ghép, phối hợp các CTMTQG và các chính sách khác để thực hiện có hiệu quả CTMTQG xây dựng NTM.

(4) Phân tích một số mô hình NTM thành công, chưa thành công trong và ngoài nước; rút ra bài học kinh nghiệm và kiến nghị áp dụng triển khai hiệu quả CTMTQG xây dựng NTM ở vùng khó khăn, ĐBKK.



(5) Đề xuất giải pháp khả thi để lồng ghép các hoạt động, mô hình, các CTMTQG với các chính sách khác của Nhà nước để thực hiện hiệu quả, khả thi CTMTQG xây dựng NTM trên địa bàn khó khăn, ĐBKK vùng DTTS&MN.

(6) Kiến nghị cấp có thẩm quyền (Quốc hội, Chính phủ) sửa đổi bổ sung văn bản liên quan để phối hợp, lồng ghép các chương trình chính sách, góp phần thực hiện hiệu quả, khả thi CTMTQG xây dựng NTM ở địa bàn khó khăn, ĐBKK vùng DTTS&MN.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Hồ Ngọc Ninh

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Chiến lược và Chính sách Dân tộc – Tôn giáo

5. Tổng kinh phí thực hiện: 2.730,54 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.730,54 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 02/2025

Kết thúc: 12/2025

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: gia hạn đến tháng 06/2026 (Theo Quyết định số 17/QĐ-BNNMT ngày 06/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
I	Chủ nhiệm đề tài		
1	Hồ Ngọc Ninh	Phó giáo sư, tiến sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
II	Thư ký đề tài		
2	Phan Văn Cương	Tiến sĩ	Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
III	Thành viên tham gia chính		
3	Nguyễn Lâm Thành	Tiến sĩ	Hội đồng Dân tộc Quốc hội
4	Trần Trung	Giáo sư, tiến sĩ	Học viện Dân tộc
5	Triệu Văn Bình	Tiến sĩ	Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
6	Nguyễn Trọng Uyên	Tiến sĩ	Viện Kinh tế và Phát triển
7	Nguyễn Hồng Vĩ	Tiến sĩ	Viện Chiến lược và Chính sách Dân tộc – Tôn giáo
8	Phan Văn Hùng	Tiến sĩ	Chuyên gia độc lập
9	Đinh Thị Hòa	Thạc sĩ	Viện Chiến lược và Chính sách Dân tộc – Tôn giáo
10	Phạm Thái Hưng	Tiến sĩ	Chuyên gia độc lập
11	Trần Đăng Khởi	Tiến sĩ	Học viện Dân tộc

12	Lại Phương Thảo	Tiến sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
13	Thái Thị Nhung	Tiến sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
14	Nguyễn Thị Ngọc Thương	Tiến sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
15	Vũ Lệ Hằng	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu và Phát triển
IV	Thành viên tham gia		
16	Phương Đoàn	Thạc sĩ	Viện Chiến lược và Chính sách Dân tộc – Tôn giáo
17	Nguyễn Thị Mai Trang	Thạc sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
18	Đặng Xuân Phi	Thạc sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
19	Tạ Phương Thúy	Thạc sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
20	Nguyễn Thọ Quang Anh	Thạc sĩ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
21	Trương Ngọc Tín	Cử nhân	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
22	Trần Thúy Lan	Cử nhân	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
23	Dương Thị Hoa	Cử nhân	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
24	ThS. Phạm Quang Minh	Thạc sĩ	Học viện Dân tộc
25	ThS. Nguyễn Thị Hiếu	Thạc sĩ	Học viện Dân tộc
26	Bạch Sĩ Long	Cử nhân	Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
27	Tăng Tiến Tùng	Cử nhân	Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội
28	Ngô Thị Phương Quý	Thạc sĩ	Học viện Dân tộc
29	Nguyễn Thị Hảo	Thạc sĩ	Học viện Dân tộc
30	Trịnh Thị Chiên	Thạc sĩ	Học viện Dân tộc
31	Dương Hiền Dịu	Thạc sĩ	Học viện Dân tộc
32	Bùi Thanh Bình	Tiến sĩ	Học viện Phụ nữ
V	Chuyên gia trong nước		
1	Nguyễn Cao Thịnh	Tiến sĩ	Bộ Dân tộc và Tôn giáo
2	Ngô Quang Sơn	Phó giáo sư, tiến sĩ	Chuyên gia độc lập

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
I	Sản phẩm dạng I									
1	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài		X			X		X		

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
2	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu		X			X		X		
3	01 bản kiến nghị chính sách		X			X		X		
II	Sản phẩm dạng I									
1	Bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành	X			X			X		
2	Dự thảo cẩm nang hướng dẫn về lồng ghép các chương trình chính sách để thực hiện hiệu quả xây dựng NTM ở vùng khó khăn và ĐBKK.		X			X			X	
3	Báo cáo rà soát các quy định pháp lý, văn bản, chính sách và đề xuất giải pháp lồng ghép các chương trình chính sách khả thi phù hợp để thực hiện hiệu quả xây dựng NTM ở vùng khó khăn và ĐBKK.		X			X			X	
4	Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng thực hiện các CTMTQG tại địa phương (phân tích các vướng mắc hiện nay liên quan đến nguồn vốn, nguồn lực, đối tượng, địa bàn, quản lý, chỉ đạo, điều hành...)		X			X		X		

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
5	Báo cáo 14 chuyên đề theo nội dung nghiên cứu đề tài		X			X			X	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Bản kiến nghị chính sách	Giai đoạn 2026-2030	Quốc hội (Ủy ban Kinh tế, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Xã hội); Chính phủ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND các tỉnh	Phục vụ xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách
2	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài	Giai đoạn 2026-2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM); Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Thông tin KH&CN quốc gia); các bộ, ngành và địa phương liên quan	Phục vụ quản lý, tổng hợp, theo dõi và kế thừa kết quả nghiên cứu
3	Báo cáo tóm tắt	Giai đoạn 2026-2030	Quốc hội; Chính phủ; các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, xã thuộc địa bàn nghiên cứu	Phục vụ tham khảo trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình
4	Các bài báo khoa học và kết quả công bố khoa học	Giai đoạn 2026-2030	Các cơ quan nghiên cứu, trường đại học, cơ quan quản lý và cộng đồng khoa học	Công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín
5	Kết quả chuyển giao thông qua hội thảo, tọa đàm khoa học	Giai đoạn 2026-2030	Các bộ, ngành, địa phương; các tổ chức nghiên cứu và chuyên gia trong nước và quốc tế	Chuyển giao, phổ biến và ứng dụng kết quả nghiên cứu

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Bản kiến nghị chính sách	Giai đoạn 2026-2030	Vụ Dân tộc, Hội đồng Dân tộc phục vụ chủ trì thẩm tra, trình Quốc hội Quyết định chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Hỗ trợ xây dựng Nghị quyết 257/2025/QH15

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Nghiên cứu đã đạt được những kết quả và đóng góp mới về khoa học và thực tiễn như sau:

- Nghiên cứu đã hệ thống hóa, luận giải và làm rõ cơ sở lý luận về lồng ghép các Chương trình chính sách trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các địa bàn khó khăn.

- Lần đầu tiên có nghiên cứu tổng thể, đánh giá toàn diện thực trạng lồng ghép các Chương trình chính sách phục vụ xây dựng nông thôn mới tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025. Đánh giá được một số mô hình lồng ghép trong xây dựng nông thôn mới thành công, chưa thành công rút ra bài học kinh nghiệm để thực hiện có hiệu quả xây dựng nông thôn mới tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn tới.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, phân tích, đề tài đã đề xuất quan điểm, định hướng và 15 nhóm giải pháp cụ thể, cập nhật, phù hợp với bối cảnh tình hình hiện nay để thúc đẩy lồng ghép các Chương trình chính sách nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn trong giai đoạn tới.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

- Hiệu quả kinh tế

Kết quả nghiên cứu của đề tài đã cung cấp cơ sở khoa học, bằng chứng thực tiễn và luận cứ chính sách quan trọng cho việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về lồng ghép các Chương trình, chính sách trong xây dựng nông thôn mới tại địa bàn khó khăn, làm tài liệu tham khảo có giá trị cho các cơ quan quản lý, thực hiện chương trình.

Việc lồng ghép hợp lý các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách có liên quan giúp giảm thiểu tình trạng trùng lặp, chồng chéo, phân tán nguồn lực và dàn trải đầu tư; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, góp phần tiết kiệm chi phí quản

lý, tăng hiệu quả đầu tư cải thiện chất lượng các công trình, dự án phát triển kinh tế tại địa phương; nâng cao hiệu quả xây dựng, thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn khó khăn, đặc biệt vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các giải pháp đề xuất đã trở thành căn cứ thực tiễn cho các cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, góp phần giảm trùng lặp, chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hiệu quả xã hội

Đề tài đã góp phần nâng cao nhận thức của các địa phương, tổ chức kinh tế và cộng đồng dân cư về vai trò của lồng ghép chính sách trong thực hiện hiệu quả Chương trình nông thôn mới và phát triển nông thôn bền vững, qua đó thúc đẩy sự tham gia chủ động của người dân và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ.

Thông qua quá trình triển khai, năng lực nghiên cứu, phối hợp và tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ tại cơ quan chủ trì, các đơn vị phối hợp và địa phương được nâng cao, góp phần tăng cường tính chuyên nghiệp trong quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Kết quả nghiên cứu cũng được chia sẻ trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục liên quan, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, học viên và giảng viên, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực phát triển nông thôn.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do: Các sản phẩm của đề tài đã đáp ứng đủ và vượt về số lượng và đảm bảo về chất lượng như trong thuyết minh đã được phê duyệt.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ



PGS.TS. Hồ Ngọc Ninh

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



ThS. Hoàng Lệ Nhật

